

VĂN HÓA - LỊCH SỬ

NHỮNG NÉT ĐẶC TRƯNG TRONG HỆ THỐNG
MIẾU THỜ TỔ TIÊN CỦA CÁC VUA NHÀ NGUYỄN

Huỳnh Thị Anh Vân*

Trong đời sống văn hóa cung đình Nguyễn, việc thờ cúng tổ tiên là một trong những hoạt động được triều đình đặc biệt chú trọng. Chỉ riêng việc xây dựng các miếu thờ tổ tiên của dòng họ và nghi lễ tế miếu của triều Nguyễn đã thể hiện rất rõ điều này và trở thành nét đặc trưng của triều đại không chỉ so với truyền thống thờ cúng tổ tiên trong dân gian hoặc so với các triều đại khác trong lịch sử Việt Nam, mà còn so với các triều đại phong kiến cùng thời ở một số nước đồng văn trong khu vực như Trung Quốc hoặc Hàn Quốc.

Thông thường, việc thờ cúng tổ tiên trong dân gian được thực hiện tại nhà thờ họ (từ đường) hoặc nhà thờ nhánh. “Những họ giàu sang lại có từ đường riêng để thờ tổ tiên chung của họ; mỗi chi lại có nhà thờ riêng của bản chi; còn nhà gia trưởng thì có bàn thờ để thờ phụng cha mẹ riêng của mỗi người. Trên bàn thờ, ngoài các đồ thờ, như đỉnh trầm, cây sập (đồ tam sự hay ngũ sự), mâm bông, đá chén, thì ở giữa có bài vị của tổ tiên. Ở nhà giàu thì các bài vị ấy để trong một cái khám sơn son thếp vàng. Những bài vị ấy của tổ tiên tứ đại trở xuống, vì bài vị của tổ tiên ngũ đại thì phải chôn đi. Ở nhà thờ họ thì có thần chủ của thủy tổ để thờ mãi mãi, gọi là *bách thế bất diêu chi chủ*”.⁽¹⁾ Về tục lệ này, học giả Trần Đăng Sinh giải thích thêm: “Các thần chủ ngoài thủy tổ hoặc tổ phân chi sẽ lần lượt thay đổi theo lệ ‘Ngũ đại mai thần chủ’, tức là chôn thần chủ đời thứ 5... Trong khám thờ lúc nào cũng chỉ có thần chủ 4 đời là bởi tục lệ này. Từ đời thứ 5 trở lên, người ta chôn thần chủ đi, gia đình không cúng giỗ riêng và trực tiếp nữa (trừ ông bà thủy tổ và ông bà tổ phân chi) nhưng các vị vẫn được phối hưởng, tức là vẫn được hưởng lễ chung cùng thủy tổ và tổ phân chi”.⁽²⁾

So với việc thiết lập các nhà thờ tổ, nhà thờ nhánh của các dòng họ trong dân gian, các vua Nguyễn không chỉ có Nguyên Miếu - nhà thờ chính ở quê gốc Gia Miêu, Thanh Hóa mà còn có cả một hệ thống các miếu, điện ngay trong Hoàng Thành Huế và ở các lăng tẩm. Theo *Nguyễn Phúc tộc thế phả*, phần Vương phả và Đế phả có 17 đời, tính từ đời thứ nhất là ông Nguyễn Kim/Cam (thân sinh của chúa Nguyễn Hoàng) cho đến đời vua Duy Tân.⁽³⁾ Mỗi đời lập thành một Hệ, mỗi Hệ gồm nhiều Phòng, mỗi Phòng lại có nhiều Chi. Theo đó, Nguyên Miếu ở Thanh Hóa, nơi thờ ông Nguyễn

* Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế.

Kim/Cam, người khởi đầu cho 17 đời tiếp theo của Nguyễn Phúc tộc có thể coi là tương đương với nhà thờ họ thông thường. Mỗi Hệ lễ ra cũng đều có nhà thờ của Hệ, tương đương với nhà thờ nhánh thông thường. Nhưng như trên đã nói, người sáng lập ra các Hệ trong thế phả của Nguyễn Phúc tộc cũng là các vị sáng lập ra các đời của Vương phả và Đế phả, hay nói cách khác, họ cũng là những vị chúa hoặc vua Nguyễn được thờ trong Thái Tổ Miếu (dành cho các chúa) hoặc Thế Tổ Miếu (dành cho các vua). Nếu theo phép “Ngũ đại mai thần chủ” nêu trên, việc thờ riêng ông Nguyễn Kim và vợ tại Triệu Tổ Miếu (còn gọi tắt là Triệu Miếu) và dành Thái Tổ Miếu (còn gọi tắt là Thái Miếu) cho việc thờ chín chúa đã là một điều khác biệt. Hơn nữa, đến đời các vua Nguyễn, vua Gia Long cho xây riêng Hưng Tổ Miếu (còn gọi tắt là Hưng Miếu) để thờ cha mình, vua Minh Mạng cho xây thêm Thế Tổ Miếu (còn gọi tắt là Thế Miếu) để thờ vua Gia Long và các vị vua kế tiếp, thể hiện rõ nét sự khác biệt của hoàng tộc Nguyễn so với việc thờ tự tổ tiên của dân gian. Thậm chí, việc chôn thần chủ cũng bị vua Minh Mạng bãi bỏ vì theo ông, “nếu nghe lời bọn hủ Nho nệ cổ bản bầy mà đem thần chủ chôn hay cất đi, thì không phải là tôi con của triều ta nữa”.⁽⁴⁾

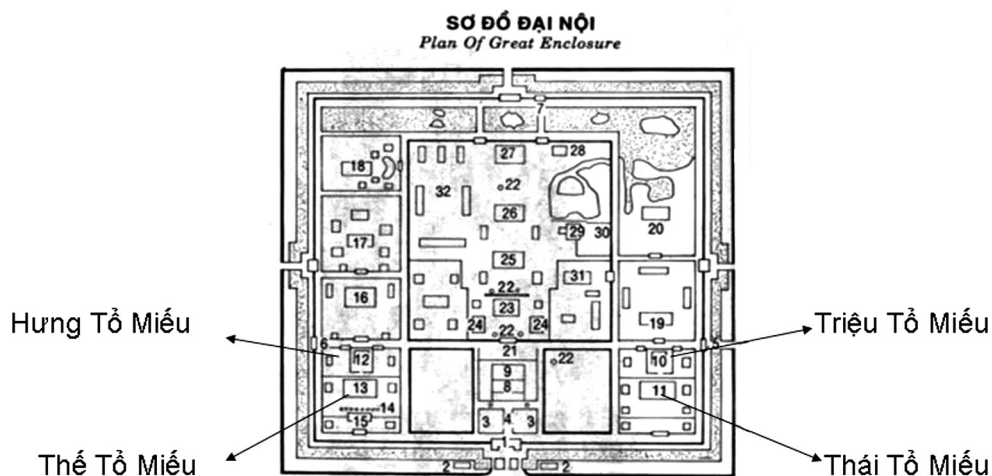
Bên cạnh đó, mọi chi tiết về việc lựa chọn vị trí xây dựng miếu, quy cách kiến trúc và nghi lễ tế tự cũng đều được triều đình quy định cụ thể. Nội dung về nghi tiết tế tự và những việc có liên quan chiếm một dung lượng khá lớn trong các bộ sử do triều Nguyễn để lại. So với các triều đại trước đó trong lịch sử Việt Nam, có lẽ đây là triều đại để lại nhiều tư liệu nhất về hoạt động này.

Trong lịch sử các triều đại phong kiến ở Việt Nam, *Đại Việt sử ký toàn thư* cho biết thời điểm xây dựng hình thức Thái Miếu sớm nhất là vào thời Lý, năm 1029 “mùa xuân, tháng 2 ngày Nhâm Ngọ, khánh thành miếu Thái Tổ”.⁽⁵⁾ Tuy nhiên, việc xây dựng, quy hoạch vị trí, trang trí kiến trúc cũng như nghi lễ tế tự không được mô tả kỹ càng. Các triều Tiền Lê, Lý, Trần... đều đặt miếu hiệu cho vua sau khi mất nhưng cũng không thấy mô tả nhiều về nghi lễ tế tự. Một thông tin khá chi tiết về nghi lễ tế miếu của nhà Lê lại được tìm thấy trong sử triều Nguyễn: “Miếu nhà Lê theo hình chữ công (工). Gian giữa thờ Thái Tổ, hai bên thờ các vị vua, mỗi khi gặp ngày húy, chỉ cứ làm lễ ở án chính, không rước ra nơi khác”.⁽⁶⁾

Đối với các triều đại quân chủ ở Trung Quốc, mặc dù triều Nguyễn chịu ảnh hưởng về nhiều mặt, đặc biệt là về tư tưởng triết lý của Nho giáo, coi trọng tổ tiên và thường lấy các quy chế, điển lệ của các triều đại Trung Quốc như triều Minh, triều Thanh làm chuẩn mực để xây dựng quy chế cho riêng mình, nhưng việc lựa chọn vị trí quy hoạch xây dựng đàn miếu của triều Nguyễn cũng có nhiều điểm khác biệt. Ở Trung Quốc, sự quan trọng của việc thờ tự tổ tiên nhà vua trước hết được thể hiện ngay trong cách đặt vị trí công trình, coi tổ tiên nhà vua quan trọng ngang tầm với các vị thần

bảo hộ quốc gia, xã tắc: “... nói đến tông miếu thờ cúng tổ tiên, nói chung là chỉ Thái Miếu trong nguyên tắc *tả tổ, hữu xã*... Thái Miếu là miếu thờ thủy tổ của Thiên tử, Chư hầu, nó cùng đàn Xã Tắc được bố trí đối xứng hai bên tả hữu, phía trước Cung thành”.⁽⁷⁾ So với cách quy hoạch này, các miếu thờ tổ tiên của nhà Nguyễn được xây dựng cả hai bên đối xứng phía trước điện Thái Hòa, còn đàn Xã Tắc tuy cũng được xây dựng bên hữu của Hoàng Thành Huế nhưng ở phía ngoài, cách xa khỏi khu trung tâm. Nếu lấy điện Thái Hòa - trung tâm triều chính của cả nước dưới thời Nguyễn - làm điểm quy chiếu thì phía trước, bên trái của điện này có Thái Miếu và Triệu Miếu; bên phải, phía đối diện với cụm Thái Miếu-Triệu Miếu qua trục đứng đạo là Hưng Miếu và Thế Miếu. Tất cả các công trình này đều có cùng hướng với điện Thái Hòa, quay mặt về phía nam.

Vị trí và quy hoạch các miếu thờ tổ tiên triều Nguyễn trong Hoàng Thành Huế



Hoàng Thành Huế, Việt Nam có cách phối trí đặc trưng, thể hiện việc coi trọng thờ cúng tổ tiên: Triệu Miếu, Thái Miếu, Hưng Miếu là những linh miếu thờ cúng tổ tiên được bố trí tại các vị trí hai bên trái phải phía trước của Tử Cấm Thành và điện Thái Hòa, nơi được dùng để cử hành đại triều.

Vị trí các miếu thờ tổ tiên của triều Nguyễn trong Hoàng Thành Huế (Nguồn: Tác giả biên tập từ sơ đồ Hoàng Thành Huế của Phan Thuận An trong *Kiến trúc cổ đô Huế*, Nxb Đà Nẵng, 2006).

Thái Miếu được xây dựng năm Gia Long thứ 3 (1804) theo kiểu trùng lương trùng thiềm, có quy mô chính doanh 13 gian, tiền doanh 15 gian, đông tây 2 chái, là nơi thờ các chúa Nguyễn. Ngoài kiến trúc chính là Thái Miếu, khu vực này còn có nhiều công trình phối thuộc như: điện Long Đức, điện Chiêu Kinh, điện Mục Tư, nhà thờ Thổ Công, gác Tuy Thành, lầu chuông, lầu trống, Tả Vu, Hữu Vu... Vào tháng 2 năm 1947, Thái Miếu, Hưng Miếu

cùng nhiều công trình khác trong khu vực Hoàng Thành Huế đã bị “phá thành bình địa”.⁽⁸⁾ Khoảng những năm 1971-1972, Hội đồng Trị sự Nguyễn Phúc tộc, đứng đầu là bà Từ Cung (mẹ vua Bảo Đại) đã quyên góp và dựng lại một tòa nhà 5 gian 2 chái trên nền cũ ngôi điện chính để làm nơi thờ tự các chúa Nguyễn. Công trình này hiện vẫn còn tồn tại.

Phía sau Thái Miếu là Triệu Miếu, nơi thờ ông Nguyễn Kim và vợ, cùng một số kiến trúc phối thuộc. Công trình này cũng hướng về phía nam, làm theo kiểu trùng lương trùng thiềm với chính doanh 3 gian, tiền doanh 5 gian.

Thế Miếu tọa lạc ở phía đối diện với Thái Miếu qua trục đường của Hoàng Thành Huế, cũng được xây dựng theo kiểu trùng lương trùng thiềm, chính doanh 9 gian, tiền doanh 11 gian, 2 chái. Việc thiết trí thờ tự kiểu “chung một đường mà ngăn riêng từng thất”⁽⁹⁾ tương tự như Thái Miếu, chịu ảnh hưởng nguyên tắc “chiêu-mục” của Trung Hoa với thần chủ của vị vua đầu tiên (Gia Long) đặt ở gian giữa, thần chủ của các vua đời sau được thờ nối tiếp lần lượt ở các gian hai bên trái, phải, tính từ gian giữa.⁽¹⁰⁾

Ngoài kiến trúc chính là Thế Miếu, khu vực này còn có điện Canh Y (đã bị phá hủy), nhà thờ Thổ Công, gác Hiển Lâm, lầu chuông, lầu trống, Tả Vu, Hữu Vu... Cách quy hoạch của khu vực Thế Miếu gần giống với cách quy hoạch của cụm kiến trúc Thái Miếu nhưng không có các công trình phục vụ riêng cho lễ kỵ như điện Long Đức, điện Chiêu Kính, điện Mục Tư, mà có 9 cái đỉnh bằng đồng được đúc từ năm Minh Mạng thứ 16 (1835) đặt giữa sân miếu để “tỏ ra ngôi vị đã đúng, danh mệnh đã tụ lại..., là đồ quý trọng ở nhà tôn miếu... tỏ ý mong rằng muôn năm bền vững, đời truyền đời sau”.⁽¹¹⁾ Mỗi đỉnh đều chạm nổi các hình ảnh tiêu biểu về vũ trụ, sản vật, địa danh đất nước Việt Nam, như: mặt trời, mặt trăng, núi, sông, các loài động thực vật và đồ binh khí... Vị trí của các đỉnh này tương ứng với vị trí của các án thờ trong Thế Miếu (tính đến thời vua Khải Định). Chính giữa là *Cao đỉnh* - ứng với chữ “Cao” trong miếu hiệu của vua Gia Long. Các đỉnh còn lại cũng được sắp xếp theo nguyên tắc “tả chiêu, hữu mục” [bên trái trước, bên phải sau, lần lượt theo thời gian] như trong Thế Miếu: bên trái thứ nhất là *Nhân đỉnh*, bên phải thứ nhất là *Chương đỉnh*, bên trái thứ hai là *Anh đỉnh*, bên phải thứ hai là *Nghị đỉnh*, bên trái thứ ba là *Thuần đỉnh*, bên phải thứ ba là *Tuyên đỉnh*, bên trái thứ tư là *Dụ đỉnh* và bên phải thứ tư là *Huyền đỉnh*. Ngoài ra, hai bên đông tây trước sân miếu còn đặt một đôi kỳ lân bằng đồng mạ vàng trong *thiết đình* (đình bằng sắt). Bắt đầu từ năm 1833, vua Minh Mạng phỏng theo quy chế của các triều Tống, Minh, Thanh của Trung Quốc để cho chế tác các bộ kích có cán bằng gỗ sơn son, mũi bằng sắt nhọn, gồm 12 cái, đông tây mỗi bên 6 cái cắm vào giá gỗ đặt trước cửa Thái Miếu, Thế Miếu, Đại Cung Môn và Ngọ Môn, gọi là *môn kích* để “trông cho nghiêm túc” và “giao biên binh thủ hộ ngày đêm đàn bầy”.⁽¹²⁾ Hiện các bộ kích này vẫn còn được lưu giữ.



Toàn cảnh
Thế Miếu
triều Nguyễn
trong
Hoàng Thành
Huế
(Ảnh tác giả).

Theo học giả Hoàng Lan Tường, một chuyên gia về kiến trúc cổ châu Á, việc quy hoạch và sắp xếp vị trí các miếu thờ vua ở Trung Hoa có phần khác với Việt Nam, hay nói cách khác, các vua triều Nguyễn ở Việt Nam đã cố ý thay đổi cách quy hoạch so với Trung Hoa theo ý đồ của riêng mình.⁽¹³⁾ Như trên đã nói, Thái Miếu của Trung Quốc được sắp xếp theo nguyên tắc *tả tổ, hữu xã*. Thái Miếu của Trung Quốc thời nhà Minh cũng được đặt vị trí ở phía đông nam Tử Cấm Thành, hướng về phía nam, là một cụm kiến trúc trong đó có 3 điện chính thờ các vị vua và hoàng hậu nhiều đời, cùng nhiều công trình phụ khác. Trong ba điện này, điện sau cùng là Triệu Miếu, thờ các vị cao tổ của triều đại.

Tại Hàn Quốc, dưới thời Joseon (1392-1910),⁽¹⁴⁾ vua Thái Tổ (Taejo) Yi Songgye (1392-1398) sau khi dời kinh đô từ Gaeseong đến Hanyang (tức Seoul hiện nay) và định nơi xây dựng chính điện của triều đại cũng đã cho xây nhà Tông Miếu (Jongmyo) thờ tổ tiên của hoàng gia ở phía đông và đàn Xã Tắc (Sajikdan) thờ các vị thần đất và thần mùa màng ở phía tây của điện này.⁽¹⁵⁾



Quy hoạch các miếu thờ triều Minh ở Bắc Kinh (Trung Quốc), thờ tổ và thờ các vua (cùng hoàng hậu) các triều đại, xây dựng năm 1420 ở phía đông nam Tử Cấm Thành, theo nguyên tắc “tả tổ, hữu xã” (Nguồn: Zheng Zhihai and Qu Zhijing, *The Forbidden City of Beijing*, China Today Press, 1993, Beijing).



Toàn cảnh Tông Miếu của triều Joseon (Hàn Quốc)
(Nguồn: The Preservation Society of the Jongmyo Royal Ancestral Rite,
Jongmyo Royal Ancestral Shrine-Jongmyo Royal Ancestral Rite, Seoul, Korea, 2005).

Như vậy, khác với cách sắp xếp của Trung Quốc và Hàn Quốc, các miếu thờ trong Hoàng Thành Huế không chỉ có một cụm kiến trúc bao gồm Triệu Miếu và Thái Miếu thờ các vị tổ của triều Nguyễn tọa lạc ở đông nam Tử Cấm Thành, mà còn có thêm cụm kiến trúc Thế Miếu và Hưng Miếu nằm đối xứng ở phía tây nam.

Học giả Hoàng Lan Tường nhận xét: “Điện Mục Tư và điện Chiêu Kính của Huế lại là một bộ phận của miếu thờ tổ, không giống với quy chế tế thờ phụ, tổ, tăng tổ và cao tổ của Trung Quốc” và “Thế Miếu - nơi thờ Hoàng đế Gia Long cùng bài vị của các hoàng đế và hoàng hậu triều Nguyễn sau khi ở ngôi, hay nói cách khác, là nơi các vị hoàng đế của hoàng triều Huế tế thờ phụ, tổ, tăng tổ và cao tổ của bản thân họ, chính vì vậy mà miếu được xây dựng phía trước bên phải của điện Thái Hòa và phía trước của Hưng Miếu”.⁽¹⁶⁾ Ông cũng cho rằng cách phối trí này tương tự như cách phối trí của khu vực Xã Tắc Đàn thời Kim Trung Đô và thành Bắc Kinh thời Minh, Thanh của Trung Quốc. Nhưng ở Huế, Triệu Miếu, Thái Miếu, Thế Miếu, Hưng Miếu là những linh miếu thờ cúng tổ tiên được bố trí tại các vị trí hai bên trái phải phía trước của Tử Cấm Thành và điện Thái Hòa, nơi được dùng để cử hành đại triều. Cách phối trí này ở trong quy hoạch đô thành của Trung Quốc hoàn toàn không thấy. Vì vậy có thể nói, Hoàng Thành Huế Việt Nam có cách phối trí đặc trưng, thể hiện việc coi trọng thờ cúng tổ tiên.⁽¹⁷⁾

Lý giải cho việc xây riêng miếu thờ cha mình và các thế hệ nối tiếp của triều Nguyễn khác với quy chế của Trung Quốc, vua Minh Mạng đã tuyên bố: “Việc này dầu không hợp với lễ đời xưa, nhưng thử nghĩ nếu theo lời bàn đời xưa... thì lấy phận tôi con mà bàn đến vua cha, lòng có yên chăng? Hơn nữa, lễ bởi nghĩa mà đặt, chẳng thà chịu lỗi về quá hậu... Thế Miếu 9 gian

đã đầy thì nên chọn đất làm thêm miếu mới, bắt chước noi theo, dẫn mãi đến không cùng, thì cái gì tốt bằng, cái gì hay bằng”.⁽¹⁸⁾

Trên cương vị là bậc đế vương, các vua triều Nguyễn coi sự thành công của mình là nhờ phúc thiêng của trời và “uy linh của tôn miếu xã tắc”,⁽¹⁹⁾ tuyên bố “chăm nuôi nhân dân, muốn trị dân bằng đạo hiếu”⁽²⁰⁾ và “bậc đế vương lấy đạo hiếu trị thiên hạ, suy tôn nguồn gốc”⁽²¹⁾ nên việc thể hiện đạo hiếu của người làm “Thiên tử” sẽ là “khuôn mẫu” để thần dân của mình noi theo,⁽²²⁾ việc hiếu tang của vua được coi là “việc hiếu của nước”.⁽²³⁾ Vì vậy, lễ tế miếu được xếp vào hàng “Đại tự” với nhiều điển chế mà cả triều đình phải tuân theo. Việc tế tự tại các miếu thờ tổ tiên nhà Nguyễn là “tế lớn của nhà nước”⁽²⁴⁾ nên hoạt động tế miếu là một sự kiện quan trọng, đứng thứ hai trong hàng Đại tự sau lễ tế Giao, trên cả việc tế đàn Xã Tắc (tức lễ tế thần lúa và thần đất), các cuộc tế thần linh và đế vương các đời.⁽²⁵⁾

Bản thân các vua Nguyễn quan niệm “lấy nghĩa để xử việc lễ”⁽²⁶⁾ đồng thời “lễ do nghĩa mà đặt ra”⁽²⁷⁾ nên mặc dù có sự tham chiếu các điển lệ về việc tế tự ở Trung Quốc, trong nhiều trường hợp họ chỉ dựa vào đó để điều chỉnh và đặt ra các quy chế riêng của triều đại mình cho phù hợp. Thậm chí, vua Minh Mạng còn phê phán việc tế tự của các triều đại ở Trung Quốc: “Thế Tông nhà Minh không tự mình tế Nam Giao là trái cái nghĩa thờ trời, nhà Thanh thì mỗi năm tế trời hai lần, cũng là nhầm việc tế tự, đều là không đáng bắt chước. Duy Hoàng khảo Thế Tổ Cao Hoàng Đế [tức vua Gia Long] ta định mỗi năm một lần tế, rất hợp với điển lễ, truyền đến muôn đời, đáng nên noi theo”.⁽²⁸⁾

Khi xem xét phép làm miếu của nhà Lê, vua Minh Mạng cũng cho rằng “chưa hợp lễ” vì ở miếu nhà Lê gian giữa thờ Thái Tổ, hai bên thờ các vị vua, mỗi khi gặp ngày húy chỉ làm lễ ở án chính mà không rước ra nơi khác.⁽²⁹⁾

Theo quan điểm riêng của mình khi cân nhắc việc chọn ngày tế ở miếu, vua Minh Mạng đã đưa ra quyết định: “Cuối năm hợp tế là việc đại tế của nhà nước, xét trong sử sách theo nghĩa hợp lại mà tế, trước không chép rõ là nên dùng ngày nào, triều ta theo dùng phép cũ, lấy ngày 15 tháng 12 làm lễ, đời Minh, Thanh Bắc triều, lấy trước ngày trừ tịch 1 ngày đến tế, xét ra không ý nghĩa gì, vả lại quốc tục bản triều, ngày tuế trừ dựng cây nêu [tức ngày 30 tết], cũng có cáo tế, nay đổi lấy ngày tuế trừ làm ngày tế hợp hưởng, trầm thân đến miếu sở làm lễ, để tỏ lễ ý”.⁽³⁰⁾

Với quan điểm này của vua Minh Mạng, nhận xét của Milton Osborne rằng “các nhà cầm quyền của Việt Nam, hoặc của các vùng ở Việt Nam khi đất nước này bị chia cắt về mặt chính trị, đã sao chép nhiều nhưng không phải là tất cả từ Trung Hoa” và “bằng nhiều cách khác nhau, Việt Nam đã khác với các nhà nước khác ở Đông Nam Á lục địa”⁽³¹⁾ có thêm bằng chứng để khẳng định.

Bên cạnh đó, việc lựa chọn vị trí quy hoạch lăng tẩm các vua Nguyễn, trong đó có các điện thờ, cũng thể hiện ý nghĩa đặc biệt trong sự liên kết với những yếu tố tự nhiên mang ý nghĩa phong thủy như sông, núi, hồ, đảo... mà theo đó, họ tin rằng các yếu tố trong tự nhiên có sức mạnh chi phối đến sự thịnh suy của cả triều đại.

Tóm lại, mặc dù việc lựa chọn vị trí và quy hoạch các công trình liên quan đến miếu thờ tổ tiên của nhà Nguyễn có những đặc điểm bị chi phối bởi hoàn cảnh kinh tế, chính trị, xã hội đương thời, nhưng các công trình này đều thể hiện sự quan tâm đặc biệt của bản thân các vua Nguyễn và triều đình, thông qua đó cho thấy đời sống tinh thần của một triều đại được xây dựng trên nền tảng đạo lý của dân tộc và sự cố gắng tự khẳng định mình của nhiều vị vua Nguyễn trong quá trình tiếp nhận ảnh hưởng từ văn hóa Nho giáo Trung Hoa nhưng vẫn không ngừng nỗ lực tìm kiếm những hướng đi riêng của triều đại mình.

H T A V

CHÚ THÍCH

- (1) Đào Duy Anh, *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb TP Hồ Chí Minh-Khoa Sử, Trường Đại học Sư phạm TP HCM, 1992, tr. 229.
- (2) Trần Đăng Sinh, *Những khía cạnh triết học trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.155.
- (3) Vua Bảo Đại là vị vua cuối cùng của triều Nguyễn nhưng vẫn thuộc đời thứ 17, ngang hàng với vua Duy Tân (Xem thêm Hội đồng Trị sự Nguyễn Phúc tộc, *Nguyễn Phúc tộc thế phả*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1995, tr.10, 399-405).
- (4) Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2004), *Đại Nam thực lục*, tập II, Viện Sử học dịch và in lại từ nguyên bản chữ Hán, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr. 697.
- (5) Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, *Đại Việt sử ký toàn thư*, dịch theo bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, tr. 253.
- (6) Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2004), *Đại Nam thực lục*, Sdd, tập V, tr.468.
- (7) Hoàng Lan Tường, “Lược khảo quy hoạch thành thị Huế, quốc đô Việt Nam thế kỷ XIX”, tạp chí *Dĩ sản văn hóa*, số 2, 2003, tr. 52.
- (8) Nguyễn Bá Chí, “Tuồng trình về tình trạng hoàng cung ở Huế đến ngày 14 tháng 9 năm 1947”, tạp chí *Dân Việt Nam*, số 1/5/1948, Viện Đông phương Bắc cổ xuất bản, Hà Nội, 1948, tr. 79.
- (9) Túc là trong cùng một tòa nhà mà chia ra nhiều gian, mỗi gian đặt án thờ một vị vua.
- (10) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Sdd, tập II, tr. 696-697; Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập Kinh sử, Tu Trai Nguyễn Tạo dịch từ nguyên bản chữ Hán, Nha Văn hóa, Bộ Quốc gia Giáo dục xuất bản, Sài Gòn, 1960, tr. 27.
- (11) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Sdd, tập IV, tr. 792-793.
- (12) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Sdd, tập III, tr. 478.
- (13) Hoàng Lan Tường, Bđd, tr. 53.
- (14) Một số tài liệu lấy mốc 1897 là thời điểm triều Joseon chính thức đổi tên nước là Đại Hàn. Trên thực tế, triều đại này kéo dài thời gian trị vì đến năm 1910.
- (15) The Preservation Society of the Jongmyo Royal Ancestral Rite, *Jongmyo Royal Ancestral Shrine-Jongmyo Royal Ancestral Rite*, Seoul, Korea, 2005, tr. 9.
- (16) Hoàng Lan Tường, Bđd, tr. 53-54.

- (17) Hoàng Lan Tường, Bđd, tr. 54.
- (18) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Sdd, tập II, tr. 697.
- (19) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Sdd, tập I, tr. 665.
- (20) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Sdd, tập I, tr. 679.
- (21) Nội Các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tập IV, Viện Sử học dịch và in lại từ nguyên bản chữ Hán, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2005, tr. 372.
- (22) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Sdd, tập I, tr. 665.
- (23) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Sdd, tập I, tr. 823.
- (24) Nội Các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Sdd, tập IV, tr. 252.
- (25) Nội Các triều Nguyễn, Sdd, tr. 222-223.
- (26) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Sdd, tập I, tr. 551.
- (27) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Sdd, tập II, tr. 121.
- (28) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Sdd, tập III, tr. 145.
- (29) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Sdd, tập V, tr. 468.
- (30) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, Sdd, tập V, tr. 235.
- (31) Milton Osborne, *Southeast Asia: an introduction history*, Silkworm Books, Chiang Mai, Thailand, 1997, tr. 38, 39.

TÓM TẮT

Trong đời sống văn hóa thời Nguyễn, việc thờ cúng tổ tiên là một trong những hoạt động quan trọng được triều đình đặc biệt chú trọng. Việc xây dựng các miếu thờ tổ tiên nhà Nguyễn và nghi lễ tế miếu trở thành những nét đặc trưng của triều đại này không chỉ so với việc thờ cúng tổ tiên trong dân gian hoặc so với các triều đại trước đó trong lịch sử Việt Nam mà còn so với các triều đại ở các nước đồng văn trong khu vực, như Trung Quốc hoặc Hàn Quốc.

Xuất phát từ truyền thống thờ cúng tổ tiên của người Việt và các điển lệ của Nho giáo Trung Quốc, nhà Nguyễn đã thiết lập một hệ thống miếu thờ tổ tiên và các quy chế cho việc tế miếu. Tuy nhiên, cách quy hoạch các miếu thờ trong Hoàng Thành Huế hoặc các điện thờ tại các lăng tẩm của triều Nguyễn khác với hệ thống thờ cúng tổ tiên trong dân gian và thậm chí khác với các triều đại phong kiến ở Trung Quốc hoặc Hàn Quốc. Hơn nữa, các vua Nguyễn cũng cố gắng thay đổi nhiều chi tiết về điển chế tế tự của Trung Quốc cho phù hợp với hoàn cảnh của triều đại mình. Điều này cho thấy một khía cạnh của đời sống văn hóa dưới triều Nguyễn trong quá trình tiếp thu các tư tưởng Nho giáo của Trung Quốc và những nỗ lực tìm kiếm hướng đi riêng của triều đại trong lĩnh vực văn hóa.

ABSTRACT

TYPICAL FEATURES OF THE NGUYỄN'S ANCESTRAL TEMPLE SYSTEM

In cultural life under the Nguyễn dynasty, the ancestor worship was among important activities receiving special attention of the dynasty. The construction of Nguyễn ancestor temples and ritual activities practiced in these temples became the distinguished features of the Nguyễn not only compared to that of the community or of the previous dynasties in Vietnamese history but also compared to that of other countries with similar culture, such as China or Korea. Originating from the Vietnamese ancestor worshipping tradition and Chinese Confucius principles, the Nguyễn also established their ancestor temple system and practiced the worshipping rites. However, the way they planned their ancestor temples in Huế Imperial City or temples at the royal tombs were different from the ancestor worshipping system of community and even different from that of Chinese or Korean feudal dynasties. Moreover, Nguyễn kings also tried to change many Chinese ritual details in order to adapt to their context. These facts showed an aspect of cultural life under the Nguyễn in the process of acquiring Chinese Confucius concepts and their efforts to find their own way of cultural expression.